

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 236/2019/HSST

Ngày: 20-8- 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Mai Thị Tiếp

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 230/2019/HSST, ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị H, sinh năm 1983.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Học H (Đã chết) và bà Thiều Thị B, sinh năm 1958; Có chồng là Nguyễn Đình H; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

2. Nguyễn Thị X, sinh năm 1985.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1956; Có chồng là Lê Công Th; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tuấn T (Gọi là Công ty T) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801565809, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/6/2010, có trụ sở tại phường B, thành phố H. Lĩnh vực hoạt động là xây dựng. Các cổ đông gồm: ông Trịnh Xuân Th, sinh năm 1949-Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật; ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974. Quá trình kinh doanh do Công ty gặp khó khăn nên ngày 05/02/2018, Hội đồng quản trị đã thống nhất chuyển nhượng lại Công ty cho Lê Thị H. Hai bên cam kết, bên nhận chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hóa đơn GTGT từ số 0000014 trở đi. Đồng thời bên chuyển nhượng bàn giao lại toàn bộ các hóa đơn GTGT đã đăng ký với Cơ quan thuế kèm theo con dấu chức danh, con dấu Công ty lại cho Lê Thị H.

Sau khi mua lại Công ty T, H sử dụng CMND tên của những người nhờ H làm trích lục đất là anh Lê Văn B, sinh năm 1982, anh Đồng Minh M, sinh năm 1983 và anh Lê Văn H, sinh năm 1973 đều trú tại xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hóa để lập khống các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và thành lập Hội đồng cổ đông. Trong đó H lấy tên anh Lê Văn B để đăng ký thay đổi người đại diện. Thực tế Công ty sau khi H mua lại không có hoạt động kinh doanh, không có hàng hóa, nhân công lao động, không có máy móc thiết bị, phương tiện vận tải (không có chi phí đầu vào). Mục đích mua lại Công ty T của H là để xuất bán hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp có nhu cầu hợp thức hóa chứng từ nhằm thu lợi bất chính.

Căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn năm 2018 của Công ty T do Cơ quan Thuế cung cấp là 55 hóa đơn GTGT (Liên 1:lưu) từ số 0000014-0000068 (đã báo hủy 11 số), còn lại 44 số hóa đơn GTGT, trong đó có 02 hóa đơn thực tế đã hủy (không có nội dung: số 0000017,0000042) nhưng vẫn kê khai báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn. Còn lại 42 hóa đơn do Công ty T xuất bán cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời điểm từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định là do Lê Thị H lập khống, có hình dấu của Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng T, giả mạo chữ ký của ông Trịnh Xuân Th và ông Lê Văn B, trong đó có 03 hóa đơn do H viết sai, không có liên 2 (Giao người mua) nhưng vẫn kê khai báo cáo cơ quan Thuế gồm số 0000054, 0000056 và 0000068. Số hóa đơn còn lại Cơ quan điều tra đã thu giữ là 39 hóa đơn GTGT (liên 2), trong đó có 01 hóa đơn Lê Thị H khai viết nhằm không giao cho bên mua nhưng không báo cáo Cơ quan Thuế để hủy hóa đơn (số 0000052), còn lại 38 hóa đơn do H lập khống, xuất bán cho 13 đơn vị ở Thanh Hóa với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trong hóa đơn là 8.595.754.820đ; thuế giá trị gia tăng là 858.575.484đ. Cụ thể như sau:

- Bán cho Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông H có trụ sở tại phường Đ, thành phố H 10 (Mười) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000027, 0000028, 0000029, 0000030, 0000031, 0000032, 0000033, 0000034, 0000035, 0000036 (Thời điểm tháng 3 năm 2018). Nội dung “Thuê nhân công lập quy hoạch, khảo sát, thi công công trình”. với tổng số tiền là 1.175.750.000đ; thuế GTGT là 117.575.000đ.

Thực tế Công ty H không có giao dịch thuê nhân công lao động của Công ty T mà do kế toán Công ty H là Nguyễn Thị X trực tiếp gặp và mua của H 10 hóa đơn GTGT nhằm hợp thức hóa chi phí thuê nhân công tự do ở địa phương để thanh toán với Công ty.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị X thừa nhận 10 hóa đơn mà Công ty T xuất bán cho Công ty H là không có dịch vụ kèm theo. Đủ cơ sở xác định hành vi của Nguyễn Thị X tham gia vai trò đồng phạm với Lê Thị H trong việc mua bán trái phép 10 hóa đơn GTGT.

- Bán cho Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ S có trụ sở tại xã M, huyện G, tỉnh Thanh Hóa 08 (Tám) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000022, 0000037, 0000039, 0000041, 0000043, 0000045, 0000058 (Thời điểm từ tháng 01/ năm 2018 đến tháng 6 năm 2018). Nội dung “Thanh toán tiền thuê xe du lịch theo hợp đồng” với tổng số tiền là 4.840.000.000đ; thuế GTGT là 484.000.000đ. Do Huyện chưa lập hợp đồng kinh tế để hợp thức việc xuất hóa đơn nên Công ty Nghi Sơn chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT cho Huyện.

- Bán cho Đội kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng (Đội kiểm lâm số 1) có trụ sở tại phường R, thành phố H 04 (Bốn) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000014, 0000016, 0000018, 0000020 (Thời điểm tháng 01 năm 2018). Nội dung “Thanh toán tiền bốc xếp” với tổng số tiền dịch vụ là 22.815.909đ; thuế GTGT là 2.281.591đ.

- Bán cho Công ty cổ phần quản lý kinh doanh điện Thanh Hóa , có trụ sở tại phường B, thành phố H 03 (Ba) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000015, 0000024, 0000026, (Thời điểm từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 02 năm 2018). Nội dung “Cước vận chuyển” với tổng số tiền dịch vụ là 4.927.272đ; thuế GTGT là 492.728đ.

- Bán cho Chi nhánh cấp nước S có trụ sở tại khu phố H, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa 02 (Hai) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000019, 0000021 (Thời điểm tháng 01 năm 2018). Nội dung “Nhân công đào đất, đặt đường ống”, với tổng số tiền là 30.000.000đ; thuế GTGT là 3.000.000đ.

- Bán cho Công ty cổ phần xây dựng Th có trụ sở tại Lô 50 MBQH 195 phường Đ, thành phố H 02 (Hai) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000044, 0000059 (Thời điểm từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 6 năm 2018). Nội dung “Thuê máy, lán trại tạm” với tổng số tiền là 307.174.400đ; thuế GTGT là 30.717.440đ.

- Bán cho Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng A có trụ sở tại phường N, thành phố H 02 (Hai) hóa đơn GTGT gồm các số 0000061, 0000063 (Thời điểm tháng 7 năm 2018). Nội dung “Thiết kế xây dựng công trình” với tổng số tiền là 536.363.636đ; thuế GTGT là 53.636.364đ nhưng chưa đến kỳ kê khai thuế nên công ty này chưa đến lấy hóa đơn và chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT cho H.

- Bán cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại M có trụ sở tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa 02 (Hai) hóa đơn GTGT gồm các số: 0000046, 0000048 (Thời điểm tháng 5 năm 2018 đến tháng 6 năm 2018). Nội dung “Cước vận

chuyên” với tổng số tiền là 22.207.240đ; thuế GTGT là 2.220.724đ nhưng công ty chưa đến lấy hóa đơn và chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT cho H.

- Bán cho Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi Thanh Hóa có trụ sở tại Lô B7-4 khu Công nghiệp T, phường Đ, thành phố H 01 (Một) hóa đơn GTGT số 0000057 (Thời điểm tháng 6 năm 2018). Nội dung “Lán trại trạm” với số tiền 325.454.545đ; thuế GTGT là 32.545.455đ.

- Bán cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Đ có trụ sở tại phường V, thành phố H 01 (Một) hóa đơn GTGT số 0000023 (Thời điểm tháng 01 năm 2018). Nội dung “Khảo sát công trình theo hợp đồng” với số tiền là 155.061.818đ; thuế GTGT là 15.506.182đ.

- Bán cho Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và xây dựng P có trụ sở tại phường Đ, thành phố H 01 (Một) hóa đơn GTGT số 0000049 (Thời điểm tháng 06 năm 2018). Nội dung “Nhân công thi công công trình” với số tiền là 850.000.000; thuế GTGT là 85.000.000đ.

- Bán cho Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa (Công ty dầu khí Thanh Hóa) có trụ sở tại phường Đ, thành phố H 01 (Một) hóa đơn GTGT số 0000053 (Thời điểm tháng 06 năm 2018). Nội dung “Nhân công thi công công trình” với số tiền là 156.000.000; thuế GTGT là 15.600.000đ.

- Bán cho Công ty cổ phần M có trụ sở tại phường B, thành phố H 01 (Một) hóa đơn GTGT số 0000062 (Thời điểm tháng 07 năm 2018). Nội dung “Nhân công” với số tiền là 160.000.000; thuế GTGT là 16.000.000đ. Do H chưa lập hợp đồng kinh tế để hợp thức việc xuất hóa đơn nên chưa thanh toán tiền hóa đơn GTGT cho H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định con dấu, chữ ký trên 39 hóa đơn GTGT (Liên 2) đã thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 1856/KLGD-PC54 ngày 07/10/2018 và số 1274/PC09 ngày 24/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hình dấu tròn màu đỏ nội dung: “Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng T” trên 39 tờ hóa đơn cần giám định so với hình dấu màu đỏ có cùng nội dung trên (tài liệu so sánh) là cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Giám đốc “Lê Anh B” và chữ ký đứng tên Chủ tịch HĐQT Trịnh Xuân Th trên 39 tờ hóa đơn cần giám định so với chữ ký Lê Anh B và Trịnh Xuân Th trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, Lê Thị H khai nhận trong tổng số 38 hóa đơn xuất bán cho 13 doanh nghiệp trên, có 34 hóa đơn xuất bán cho 12 doanh nghiệp không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo còn 04 hóa đơn xuất bán cho Đội kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1 thì thực tế H có đưa nhân công (Không phải nhân công của công ty T) vào bóc xếp như nội dung hóa đơn. Về phía Đội kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1 cũng khẳng định có làm việc trực tiếp và thuê nhân công của H. Sau khi hoàn thành công việc theo hợp đồng thì H đưa lại 04 hóa đơn GTGT để thanh toán, đơn vị không biết và không làm việc với giám đốc Công ty T. Tuy nhiên việc H mua lại Công ty T nhưng không làm các thủ tục pháp lý chuyển đổi theo đúng quy

định mà vẫn tiếp tục sử dụng hóa đơn GTGT, giả mạo chữ ký của ông Trịnh Xuân Th (Chủ tịch HĐQT Công ty T), ghi nội dung xuất bán cho Đội kiểm lâm cơ động và PCPP rừng số 1 cho thấy đủ căn cứ xác định Lê Thị H đã sử dụng 04 hóa đơn GTGT không có giá trị sử dụng để hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ xuất bán cho Đội kiểm lâm rừng số 1.

Như vậy, tổng số hóa đơn GTGT Lê Thị H đã lập không là 38 hóa đơn, xuất bán cho 13 đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với tổng giá trị hàng hóa là 8.585.754.820đ, thuế GTGT là 858.575.484đ. Do một số doanh nghiệp chưa đến lấy hóa đơn, chưa đưa tiền mua bán hóa đơn GTGT cho H nên số tiền H thu lợi là 300.435.805đ.

Đối với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Hmua 10 hóa đơn GTGT của Lê Thị H, không có dịch vụ kèm theo. Qua xác minh giám đốc Công ty là ông Hoàng Cẩm Tr khẳng định Công ty đã giao khoán công việc cho nhân viên trong đó có Nguyễn Thị X và chịu trách nhiệm lấy hóa đơn thanh toán với Công ty. Việc X giao dịch và lấy hóa đơn của đơn vị nào ông Tr không biết và không chỉ đạo, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với giám đốc Công ty.

Đối với 12 đơn vị có mua hóa đơn GTGT của H số lượng dưới 10 hóa đơn, trong đó có Đội kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1 mua 04 hóa đơn của H, có thuê nhân công nhưng không biết hóa đơn H xuất là không có giá trị sử dụng, còn lại 11 đơn vị mua hóa đơn GTGT của H không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo nhằm mục đích hợp thức hóa chứng từ báo cáo thuế, trong đó có 09 đơn vị đã lấy hóa đơn báo cáo kê khai thuế GTGT đầu vào. Còn lại 02 đơn vị gồm Công ty A và Công ty M sau khi thỏa thuận mua bán hóa đơn nhưng chưa liên lạc lại với H để lấy hóa đơn. Hiện tại các đơn vị đã báo cáo cơ quan thuế hủy hóa đơn và kê khai giảm trừ thuế GTGT đầu vào.

Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Chi cục thuế thành phố và Cục thuế tỉnh Thanh Hóa kiểm tra xử lý hành vi mua bán hóa đơn GTGT của các đơn vị trên.

Đối với vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 con dấu Công ty CP tư vấn và xây dựng Tvà 01 con dấu chức danh Lê Văn B.

Tại cáo trạng số 212/CT-VKS-TPTH, ngày 24/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Lê Thị H về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo điểm d,đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Thị X về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d,đ khoản 2 Điều 203; Điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; Khoản 1 Điều 203; Điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo X.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Thị X phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị H mức

án từ 18 tháng đến 24 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng; Nguyễn Thị X từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 300.435.805đ tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo H có đơn đề nghị miễn hình phạt bổ sung vì hoàn cảnh khó khăn, mất việc làm và không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền.

Và đề nghị xử lý vật chứng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Thị X tại phiên tòa: Bị cáo X có đơn đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bị cáo vừa sinh con. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị X.

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Thị X thừa nhận:

Do có mục đích vụ lợi nên ngày 05/02/2018, Lê Thị H đã mua lại Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông T để bán hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp có nhu cầu hợp thức hóa chứng từ nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể trong thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018, H đã sử dụng hóa đơn của Công ty T, giả mạo chữ ký của ông Trịnh Xuân Th - Chủ tịch HĐQT Công ty T trước thời điểm chuyển nhượng và ông Lê Văn B - Giám đốc Công ty T sau thời điểm chuyển nhượng do H tự lập ra để lập không 38 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo xuất bán cho 13 đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với tổng giá trị hàng hóa là 8.585.754.820đ, thuế GTGT là 858.575.484đ .

Số tiền H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT là 300.435.805đ . Sau khi bị cơ quan thuế kiểm tra, H đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp đã mua

hóa đơn của công ty T để hủy các hóa đơn trên, các doanh nghiệp đã kê khai giảm trừ thuế đầu vào với cơ quan thuế.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo H đã tự nguyện nộp 100.000.000đ tiền thu lợi bất chính cho cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H.

Đối với Nguyễn Thị X là kế toán của Công ty H tham gia với vai trò đồng phạm với H trong việc mua bán trái phép 10 hóa đơn GTGT do H lập không xuất bán cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông H.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Thị X phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo là người có sức khỏe, có nhận thức nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi vi phạm. Bị cáo H đã bán trái phép trên 30 hóa đơn, thu lợi bất chính trên 100.000.000đ. Bị cáo X đã mua bán trái phép 10 số hóa đơn nhằm hợp thức hóa chi phí thuê nhân công để thanh toán với Công ty.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách làm suy giảm ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Huyền đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo; Hơn nữa, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là khuyến khích các bị cáo tích cực nộp lại tiền thu lợi bất chính, tiền phạt, tiền bị cáo chiếm đoạt để thu hồi tài sản cho Nhà nước cho nên cần xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo. Ngoài ra, trong thời gian được tại ngoại, bị cáo H đã giúp cơ quan điều tra phá án, khởi tố 07 đối tượng về tội tham nhũng. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa có văn bản đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo X là nhân viên làm thuê, có vai trò giúp sức nên thấp hơn vai trò của bị cáo H. Sau khi phạm tội, bị cáo có thai và hiện nay đang nuôi con dưới

một tháng tuổi, mặt khác bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng .

Bị cáo H và bị cáo X có bố đẻ được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến. Các bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình và có xác nhận của chính quyền địa phương đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Do đó, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo X được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,n,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với từng bị cáo - Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng bị cáo X vừa mới sinh con được 14 ngày tuổi, không có việc làm và thu nhập nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo H có đơn đề nghị miễn hình phạt bổ sung vì hoàn cảnh khó khăn, mất việc làm và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[6] Về thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.435.805đ để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 100.000.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dấu Công ty CP tư vấn và xây dựng T và 01 con dấu chức danh Lê Văn B là vật chứng của vụ án, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d,đ khoản 2 Điều 203; Điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Thị H.

- Khoản 1 Điều 203; Điểm i,n,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị X.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Thị X phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước*”

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Thị H 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị X 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự và tổ chức giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 300.435.805đ tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 100.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp trước khi xét xử theo biên lai số AA/2010/007800 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Bị cáo phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 200.435.805đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ một con dấu chức danh Lê Văn B và một con dấu Công ty cổ phần tư vấn xây dựng T.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng số 184/THA ngày 04/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H với Công an thành phố H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14.

Buộc các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị X mỗi bị cáo phải nộp phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh